

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI TP CẤP THCS

NĂM HỌC 2025 - 2026



BẢNG ĐIỂM THI VÀ KẾT QUẢ XẾP GIẢI
MÔN: KHTN 2

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-SGDĐT ngày 24/01/2026)

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
1	NGUYỄN THẾ	QUANG	023 / 000504	THCS Võ Thị Sáu	P. AN BIÊN	10,00	
2	ĐOÀN TRỌNG	ANH	112 / 002485	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	10,00	
3	PHẠM HẢI	NGUYỄN	116 / 002584	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	10,00	
4	KHỔNG MINH GIA CÁT	TƯỜNG	117 / 002616	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	10,00	
5	HOÀNG MINH	ANH	018 / 000391	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	9,80	
6	PHẠM LONG	GIANG	019 / 000425	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHÚ LIÊN	9,80	
7	ĐINH VIỆT	ĐẠT	113 / 002519	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	9,80	
8	VŨ LỘC	TUẤN	117 / 002614	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	9,80	
9	PHẠM DUY	NGHĨA	116 / 002580	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	9,60	
10	PHAN HÙNG	ANH	018 / 000398	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	9,50	
11	TRẦN THỊ MỸ	HẠNH	019 / 000427	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	9,50	
12	PHẠM VĂN	BẢO	112 / 002496	THCS Đại Hợp	X. TÂN KÝ	9,50	
13	VŨ ĐỨC	DUY	113 / 002514	THCS Đông Cẩm	X. KIM THÀNH	9,50	
14	NGUYỄN VĂN	HIẾU	114 / 002535	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	9,50	
15	VŨ HÀ	LINH	115 / 002557	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	9,50	
16	NGUYỄN MINH	QUÂN	116 / 002597	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	9,50	
17	PHẠM THẾ	VINH	117 / 002619	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	9,50	
18	ĐINH PHÚ	CƯỜNG	019 / 000413	THCS Đoàn Lập	X. TÂN MINH	9,30	
19	NGUYỄN TẮT	HIẾU	114 / 002534	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	9,30	
20	NGUYỄN THỊ MINH	ANH	112 / 002491	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	9,25	
21	MAI MINH	CHÂU	019 / 000408	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	9,00	
22	NGUYỄN VĂN	KHÁNH	020 / 000453	THCS Nam Sơn	P. AN DƯƠNG	9,00	
23	LÊ VĂN	KHOA	020 / 000454	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	9,00	
24	NGUYỄN VŨ	MINH	021 / 000477	THCS Đà Nẵng	P. NGÔ QUYÊN	9,00	
25	PHẠM TUẤN	PHONG	023 / 000499	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	9,00	
26	NGUYỄN BẢO	AN	112 / 002479	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỆN	9,00	
27	NGUYỄN ANH	DŨNG	113 / 002511	THCS Kim Anh	X. PHÚ THÁI	9,00	
28	PHẠM LINH	ĐAN	113 / 002518	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	9,00	
29	VŨ TIẾN QUANG	HUY	114 / 002543	THCS Cẩm Hoàng	X. CẨM GIANG	9,00	
30	NGUYỄN GIA	KHÁNH	114 / 002547	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	9,00	
31	PHẠM PHÚ	TRỌNG	117 / 002613	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	9,00	
32	BÙI ĐÌNH HẢI	VIỆT	024 / 000533	THCS Đông Minh	X. VINH HẢI	8,80	
33	NGUYỄN VIỆT	ANH	112 / 002493	THCS Phan Bội Châu	X. TỬ KÝ	8,80	
34	VŨ QUÝ	LỘC	115 / 002560	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	8,80	
35	NGUYỄN NGỌC	THẠNH	117 / 002605	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	8,80	
36	PHẠM MINH	ĐỨC	019 / 000423	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	8,60	
37	TRẦN HỒNG MINH	PHƯƠNG	023 / 000502	THCS Lê Ích Mịch	P. THỦY NGUYÊN	8,60	
38	TRẦN AN	VŨ	024 / 000535	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	8,60	
39	ĐỖ DUY	PHƯƠNG	116 / 002594	THCS Hợp Tiến	X. HỢP TIẾN	8,60	
40	PHẠM TÙNG	LÂM	021 / 000460	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	8,55	
41	NGUYỄN ĐỨC	NAM	022 / 000483	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	8,55	
42	LÊ	VŨ	117 / 002620	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	8,55	
43	BÙI TUỆ	CHI	019 / 000409	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	8,50	
44	VŨ ĐỨC	MINH	115 / 002569	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỆN	8,50	
45	TẶNG VIỆT	NGA	116 / 002574	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	8,50	
46	VŨ TUẤN	PHONG	116 / 002591	THCS Tân Việt	X. HÀ BẮC	8,50	
47	NGUYỄN NGỌC	MY	022 / 000480	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	8,40	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
48	TRỊNH QUANG	HUY	020 / 000443	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	8,30	
49	TRẦN HỮU PHÚC	KHANG	020 / 000450	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	8,30	
50	NGUYỄN PHƯƠNG	MAI	021 / 000472	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	8,30	
51	VŨ LAN	CHI	113 / 002503	THCS Phan Bội Châu	X. TỬ KỶ	8,30	
52	TRỊNH NGUYỄN MINH	DIỆP	113 / 002508	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	8,30	
53	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	113 / 002521	THCS An Phú	P. TRẦN LIỄU	8,30	
54	ĐẶNG TUẤN	HẢI	114 / 002526	THCS Bạch Đằng	P. BẮC AN PHỤ	8,30	
55	TRƯỜNG THỊ XUÂN	HUỆ	114 / 002538	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	8,30	
56	NGUYỄN THÁI	LÂM	115 / 002552	THCS Thống Nhất	X. YẾT KIỆU	8,30	
57	TRƯỜNG TUẤN	LONG	115 / 002559	THCS Kim Định	X. AN THÀNH	8,30	
58	VŨ NHẬT	MINH	115 / 002570	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯƠNG AN	8,30	
59	BÙI LÊ BẢO	TRANG	117 / 002610	THCS Nguyễn Huệ	P. TỬ MINH	8,30	
60	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	113 / 002524	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	8,25	
61	VŨ NGỌC	KIÊN	115 / 002551	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	8,25	
62	VŨ HẢI	MINH	022 / 000479	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	8,10	
63	LÊ THỊ NGỌC	ANH	112 / 002487	THCS Nguyễn Huệ	P. TỬ MINH	8,10	
64	NGUYỄN ĐỨC	DUY	113 / 002512	THCS Hồng Phong	X. KHÚC THỪA DỤ	8,10	
65	NGUYỄN ĐỨC	MINH	115 / 002565	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	8,10	
66	VŨ HẢI	NAM	115 / 002573	THCS Hồng Khê	X. BÌNH GIANG	8,10	
67	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	116 / 002575	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	8,05	
68	ĐỖ NHƯ	PHONG	022 / 000496	THCS Tiên Lãng	X. TIÊN LÃNG	8,00	
69	HÀ THANH	BÌNH	112 / 002498	THCS Ninh Thành	X. VINH LẠI	8,00	
70	ĐƯƠNG BÁ	DŨNG	113 / 002510	THCS Cộng Hòa	P. TRẦN HUNG ĐẠO	8,00	
71	VŨ MẠNH	HẢI	114 / 002530	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	8,00	
72	HOÀNG TRỌNG	HIẾU	114 / 002533	THCS Phan Bội Châu	X. TỬ KỶ	8,00	
73	BÙI QUANG	HUY	114 / 002540	THCS Kiến Quốc	X. KHÚC THỪA DỤ	8,00	
74	NGUYỄN VĂN DUY	KHOA	114 / 002549	THCS Nguyễn Huệ	P. TỬ MINH	8,00	
75	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	115 / 002554	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	8,00	
76	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	MAI	115 / 002563	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	8,00	
77	NGUYỄN BẢO	NGỌC	116 / 002581	THCS Tân Quang	X. HỒNG CHÂU	8,00	
78	TRẦN KHÁNH	LINH	021 / 000467	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	7,90	
79	BÙI NGÔ MINH	KHANG	114 / 002546	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	7,90	
80	ĐOÀN THANH	NHẤT	116 / 002586	THCS Tân Phong	X. TÂN AN	7,90	
81	VŨ PHÚC LÂM	PHONG	116 / 002590	THCS Tân Việt	X. BÌNH GIANG	7,90	
82	ĐÀO TRẦN MINH	CHÂU	112 / 002501	THCS Cẩm Văn	X. TUỆ TỈNH	7,85	
83	ĐỖ ANH	HÀO	019 / 000428	THCS Tân Dương	P. THỦY NGUYỄN	7,80	
84	NGUYỄN ANH	THƯ	023 / 000516	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	7,80	
85	NGUYỄN HUY	HOÀNG	114 / 002537	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	7,80	
86	NGUYỄN TUỆ	NGUYỄN	116 / 002583	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	7,80	
87	TRẦN ĐĂNG	KHÔI	022 / 003315	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	7,80	
88	NGUYỄN HỮU	GIA	019 / 000424	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	7,60	
89	NGUYỄN GIA	HUY	020 / 000439	THCS Lại Xuân	X. VIỆT KHÉ	7,60	
90	VŨ VĂN	HUY	114 / 002544	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	7,60	
91	VŨ NGUYỆT	PHƯƠNG	116 / 002595	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỀN	7,60	
92	NGUYỄN VIỆT QUANG	HUY	020 / 000441	THCS An Hưng	P. HỒNG AN	7,55	
93	PHÙNG ĐIỂN	THỊNH	023 / 000515	THCS Ngô Gia Tự	P. HỒNG BÀNG	7,50	
94	LÊ NGỌC QUỲNH	ANH	112 / 002486	THCS Nguyễn Huệ	P. TỬ MINH	7,50	
95	NGUYỄN QUỐC	THÁI	117 / 002600	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	7,50	
96	BÙI HOÀNG MINH	CHÂU	018 / 000405	THCS Thị Trấn Núi Đồi	X. KIẾN THỤY	7,40	
97	NGUY NAM	PHONG	022 / 000498	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHÙ LIỄN	7,40	
98	NGUYỄN THỊ KHÁNH	CHI	113 / 002502	THCS Nam Trung	X. TRẦN PHÚ	7,40	
99	VŨ QUỐC	MINH	023 / 003316	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	7,40	
100	VŨ ĐỨC TRÍ	DŨNG	019 / 000417	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	7,35	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THU/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
101	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	019 / 000414	THCS Lê Chân	P. AN BIÊN	7,30	
102	ĐẶNG GIA	HUY	020 / 000436	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	7,30	
103	NGUYỄN THANH	HUYỀN	020 / 000446	THCS Trần Văn Ôn	P. HỒNG BÀNG	7,30	
104	VŨ NGỌC	LINH	021 / 000468	THCS Lại Xuân	X. VIỆT KHÊ	7,30	
105	NGUYỄN YẾN	NHI	022 / 000492	THCS Quyết Tiến	X. TIÊN LĂNG	7,30	
106	VŨ XUÂN	TÙNG	117 / 002615	THCS Tân Việt	X. HÀ BẮC	7,30	
107	NGUYỄN TRƯỜNG	AN	112 / 002481	THCS Đại Hợp	X. TÂN KỲ	7,25	
108	NGUYỄN THỊ BẢO	TRANG	117 / 002611	THCS Thống Nhất	X. YẾT KIỆU	7,25	
109	NGUYỄN VIỆT	CƯỜNG	113 / 002505	THCS Phan Bội Châu	X. TỬ KỲ	7,15	
110	VŨ ĐÌNH	NAM	022 / 000484	THCS Đà Nẵng	P. NGÔ QUYẾN	7,10	
111	LƯƠNG XUÂN	AN	112 / 002478	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	7,10	
112	LÊ TÙNG	ANH	112 / 002488	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	7,10	
113	NGUYỄN BÁCH	DIỆP	113 / 002507	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÔN	7,10	
114	NGUYỄN MẠNH	HẢI	114 / 002528	THCS Hải Tân	P. TÂN HUNG	7,10	
115	NGUYỄN CÔNG	THÀNH	117 / 002602	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỀN	7,10	
116	TRẦN QUANG	HUY	020 / 000442	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	7,05	
117	NGUYỄN LÊ KHÁNH	DUYÊN	113 / 002515	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	7,05	
118	NGUYỄN HÀ LINH	CHI	019 / 000410	THCS Thị Trấn Núi Đồi	X. KIẾN THỤY	7,00	
119	CHU GIA	LINH	021 / 000462	THCS Quán Toan	P. HỒNG AN	7,00	
120	NGUYỄN VIỆT	DŨNG	019 / 000416	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	6,90	
121	PHẠM THANH	BÌNH	112 / 002499	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	6,85	
122	TRẦN TRÍ	ĐỨC	113 / 002523	THCS Kim Định	X. AN THÀNH	6,85	
123	NGUYỄN MINH	TRÍ	024 / 000522	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	6,80	
124	NGUYỄN HỮU HOÀNG	VĂN	024 / 000532	THCS Phục Lễ	P. NAM TRIỆU	6,80	
125	PHẠM THÀNH	DANH	113 / 002506	THCS Duy Tân	P. NHỊ CHIẾU	6,80	
126	VŨ HỒNG	HÀ	113 / 002525	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	6,80	
127	NGUYỄN HOÀNG	MINH	115 / 002566	THCS Đại Sơn	X. ĐẠI SƠN	6,80	
128	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	116 / 002576	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	6,80	
129	VŨ THỊ GIA	LINH	021 / 000469	THCS Kiến Thiết	X. TÂN MINH	6,70	
130	BÙI DOÃN	PHONG	022 / 000495	THCS Tam Cường	X. VĨNH AM	6,70	
131	NGUYỄN ĐỨC	HẢI	114 / 002527	THCS Hà Kỳ	X. NGUYỄN GIÁP	6,70	
132	TRẦN NGUYỄN TÙNG	LÂM	021 / 000461	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	6,65	
133	NGUYỄN ĐỨC	AN	112 / 002480	THCS Minh Tân	P. NHỊ CHIẾU	6,60	
134	PHẠM ĐĂNG	KHÔI	115 / 002550	THCS Thanh Lang	X. HÀ NAM	6,60	
135	NGUYỄN NGỌC BẢO	NHI	116 / 002587	THCS Quảng Nghiệp	X. TÂN KỲ	6,60	
136	HÀ MẠNH	PHÚ	116 / 002592	THCS Văn Đức	P. TRẦN NHÂN TÔNG	6,60	
137	NGUYỄN ĐỨC	THÀNH	117 / 002603	THCS Cẩm Đông	X. MAO ĐIỂN	6,60	
138	NGUYỄN PHONG	HUY	020 / 000440	THCS Trần Phú	P. PHÙ LIỄN	6,55	
139	NGUYỄN QUANG	BÁCH	112 / 002494	THCS Nguyễn Huệ	P. TỬ MINH	6,55	
140	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	ANH	018 / 000394	THCS Minh Đức	P. BẠCH ĐĂNG	6,50	
141	NGUYỄN ĐÌNH BẢO	CHÍNH	019 / 000412	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	6,50	
142	ĐÀO XUÂN	TRƯỜNG	024 / 000524	THCS Trần Hưng Đạo	P. LƯU KIỂM	6,45	
143	PHẠM NGUYỄN YẾN	NGỌC	022 / 000488	THCS Quán Toan	P. HỒNG AN	6,40	
144	ĐỖ ĐÔNG MẠNH	TUẤN	024 / 000526	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	6,40	
145	ĐỖ GIA	HUY	114 / 002542	THCS Văn An	P. CHU VĂN AN	6,40	
146	VŨ TÔ PHƯƠNG	HÀ	019 / 000426	THCS Quang Trung	P. NGÔ QUYẾN	6,35	
147	PHẠM THẾ	KIỆT	021 / 000457	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	6,35	
148	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	019 / 000430	THCS Đăng Lâm	P. HẢI AN	6,30	
149	HOÀNG THỊ	HUYỀN	020 / 000445	THCS Nam Sơn	P. AN DƯƠNG	6,30	
150	NGUYỄN ĐĂNG	TƯỜNG	024 / 000528	THCS Thiên Hương	P. THIÊN HƯƠNG	6,30	
151	NGUYỄN MINH	ANH	112 / 002489	THCS An Phương	X. HÀ TÂY	6,30	
152	VŨ NGỌC KHÁNH	DUY	113 / 002513	THCS Tân Hương	X. VĨNH LẠI	6,30	
153	NGUYỄN BÙI MINH	ĐỨC	019 / 000422	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	6,20	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
154	NGUYỄN HÀ	LINH	021 / 000464	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	6,20	
155	MẠC TIỂU	PHỤNG	023 / 000500	THCS Hợp Thành	P. LÊ ÍCH MỘC	6,20	
156	ĐỖ ĐỨC	AN	018 / 000383	THCS Đà Nẵng	P. NGÔ QUYẾN	6,15	
157	AN THÁI	DUYNG	113 / 002516	THCS Tứ Cường	X. THANH MIỆN	6,10	
158	PHAN THẢO	NGUYỄN	116 / 002585	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÓN	6,10	
159	HOÀNG HUY	SƠN	117 / 002598	THCS Liên Hòa	X. KIM THÀNH	6,10	
160	TRỊNH AN	BÌNH	018 / 000402	THCS Ngũ Lão	P. BẠCH ĐĂNG	6,05	
161	NGUYỄN THẢO	LY	021 / 000471	THCS Trần Phú	P. PHÙ LIẾN	6,05	
162	NGUYỄN BẢO	UYÊN	117 / 002617	THCS Cẩm Hoàng	X. CẨM GIANG	6,05	
163	PHẠM VĂN	AN	112 / 002484	THCS Ngũ Phúc	X. AN THÀNH	6,00	
164	NGUYỄN THIÊN	ĐẠT	113 / 002520	THCS Vĩnh Lập	X. HÀ ĐÔNG	6,00	
165	VŨ VĂN	HIỂN	114 / 002532	THCS Lê Hồng	X. BẮC THANH MIỆN	6,00	
166	ĐÀM NGỌC	ANH	018 / 000388	THCS Lâm Động	P. THIÊN HƯƠNG	5,90	
167	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	018 / 000396	THCS An Lư	P. HÒA BÌNH	5,90	
168	ĐẶNG NGUYỄN MINH	CHÂU	018 / 000406	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	5,90	
169	BÙI THUY	DUYNG	019 / 000418	THCS Tự Cường	X. QUYẾT THẮNG	5,90	
170	NGUYỄN TRẦN HÀ	NHI	022 / 000491	THCS Quán Toan	P. HỒNG AN	5,90	
171	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	018 / 000397	THCS Tân Hưng-Thị Trấn	X. VINH BẢO	5,85	
172	NGUYỄN PHẠM HOÀNG	ANH	112 / 002490	THCS Sao Đỏ	P. CHU VĂN AN	5,85	
173	ĐINH TRỌNG HẢI	NAM	022 / 000481	THCS Đằng Hải	P. HẢI AN	5,80	
174	HOÀNG QUỐC	PHONG	022 / 000497	THCS Võ Thị Sáu	P. AN BIÊN	5,80	
175	BÙI QUANG	HUY	114 / 002541	THCS Quang Thành	X. NAM AN PHỤ	5,80	
176	TRẦN TUẤN	MINH	115 / 002568	THCS Hợp Tiến	X. HỢP TIẾN	5,80	
177	NGUYỄN HỒNG	QUANG	116 / 002596	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÓN	5,80	
178	NGUYỄN THÙY	VĂN	117 / 002618	THCS Tân Trào	X. HẢI HUNG	5,75	
179	ĐỖ HẢI	NAM	022 / 000482	THCS Kỳ Sơn	X. VIỆT KHÊ	5,70	
180	HOÀNG XUÂN MINH	BẢO	112 / 002495	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	5,70	
181	PHẠM THANH	LÂM	021 / 000459	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	5,65	
182	NGUYỄN THẢO	NHI	116 / 002588	THCS Thanh Tùng	X. NGUYỄN LƯƠNG BẰNG	5,65	
183	NGUYỄN ANH	SON	023 / 000506	THCS Tiên Cường	X. QUYẾT THẮNG	5,60	
184	NGUYỄN QUANG	MINH	115 / 002567	THCS Ngọc Châu	P. HẢI DƯƠNG	5,60	
185	DUYNG ĐỨC	THÀNH	023 / 000510	THCS Quảng Thanh	P. LÊ ÍCH MỘC	5,50	
186	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	112 / 002492	THCS Tiên Động	X. LẠC PHƯỢNG	5,50	
187	NGUYỄN THANH	BÌNH	018 / 000401	THCS Giang Biên	X. VINH THUẬN	5,45	
188	ĐÀO NGUYỄN TIẾN	HOÀNG	114 / 002536	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	5,45	
189	MAI QUỐC	HUY	020 / 000438	THCS Tam Hưng	P. NAM TRIỆU	5,40	
190	NGUYỄN THANH	PHƯỚC	023 / 000501	THCS Quang Phục	X. TIÊN MINH	5,40	
191	VŨ THÁI	BẢO	018 / 000400	THCS Tiên Minh	X. TIÊN MINH	5,30	
192	PHẠM YẾN	NHI	022 / 000493	THCS Đa Phúc	P. HUNG ĐẠO	5,20	
193	BÙI ĐỨC	HÙNG	114 / 002539	THCS Nguyễn Trãi	P. NGUYỄN TRÃI	5,20	
194	ĐINH THỊ THU	THỦY	117 / 002608	THCS Thái Tân	X. THÁI TÂN	5,20	
195	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	117 / 002612	THCS Đông Xuyên	X. KHÚC THỪA DỤ	5,15	
196	NGUYỄN PHÚC BÌNH	AN	018 / 000385	THCS Đông Minh	X. VINH HẢI	5,10	
197	NGUYỄN HẢI	NAM	115 / 002571	THCS Kim Đính	X. AN THÀNH	5,10	
198	ĐÀO ÁNH	DUYNG	019 / 000419	THCS Lương Khánh Thiện	X. AN LÃO	5,00	
199	VŨ GIA	HUY	020 / 000444	THCS Minh Đức	P. BẠCH ĐĂNG	5,00	
200	NGUYỄN BẢO	NGỌC	022 / 000486	THCS Anh Dũng	P. HUNG ĐẠO	5,00	
201	PHẠM THỊ PHƯƠNG	NGỌC	022 / 000489	THCS Chấn Hưng	X. CHẤN HUNG	5,00	
202	VŨ THANH	BÌNH	112 / 002500	THCS Ngô Quyền	X. HẢI HUNG	4,95	
203	VŨ VĂN	THẾ	023 / 000513	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	4,90	
204	NGUYỄN TRƯỜNG	AN	112 / 002482	THCS Phả Lại	P. CHÍ LINH	4,85	
205	NGUYỄN TRUNG	THÀNH	117 / 002604	THCS An Thượng	P. THÀNH ĐÔNG	4,85	
206	NGUYỄN ĐỒNG THANH	THẢO	117 / 002607	THCS Lai Vu	X. LAI KHÊ	4,80	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THU/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
207	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HƯỜNG	020 / 000448	THCS Hoàng Động	P. THIÊN HƯƠNG	4,75	
208	HOÀNG HỮU TUẤN	MINH	021 / 000474	THCS Lê ích Mộc	P. THỦY NGUYỄN	4,75	
209	PHẠM MINH	PHÚC	116 / 002593	THCS Cao An	P. VIỆT HOÀ	4,65	
210	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	117 / 002621	THCS Ngọc Liên	X. CẨM GIANG	4,65	
211	ĐÀO MẠNH	KIÊN	021 / 000455	THCS Tam Cường	X. VINH AM	4,60	
212	NGUYỄN GIA	MINH	021 / 000476	THCS Hòa Nghĩa	P. DƯƠNG KINH	4,60	
213	ĐỖ VŨ MẠNH	TIẾN	024 / 000519	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	4,55	
214	NGUYỄN ANH	MINH	021 / 000475	THCS Hiệp Hòa-Hùng Tiến	X. VINH HÒA	4,50	
215	NGUYỄN NAM	KHÁNH	020 / 000451	THCS Đồng Hoà	P. KIẾN AN	4,45	
216	NGUYỄN GIA	HUNG	020 / 000447	THCS Nguyễn Bá Ngọc	P. AN BIÊN	4,40	
217	PHẠM THỊ MAI	LINH	115 / 002555	THCS ứng Hồ	X. VINH LAI	4,40	
218	NGUYỄN THIÊN HÀ	THỦY	117 / 002609	THCS Đông Quang	X. TRƯỜNG TÂN	4,40	
219	LÊ THỊ KHÁNH	LINH	115 / 002553	THCS Cẩm Điền	X. MAO ĐIỂN	4,30	
220	PHẠM THỊ KHÁNH	LINH	021 / 000466	THCS Nguyễn Chuyên Mỹ	X. AN HUNG	4,25	
221	ĐỖ THÙY	TRANG	024 / 000520	THCS Nguyễn Văn Cừ	P. HÒA BÌNH	4,25	
222	VŨ TRẦN THANH	TRÚC	024 / 000523	THCS Thị trấn Cát Bà	ĐẶC KHU CÁT HẢI	4,25	
223	PHẠM BÙI ĐỨC	HUNG	114 / 002545	THCS An Lâm	X. AN PHÚ	4,25	
224	ĐỖ THỊ THU	THẢO	117 / 002606	THCS Hoàng Diệu	X. GIA PHÚC	4,25	
225	PHẠM BÌNH	MINH	021 / 000478	THCS Nam Hà	P. KIẾN AN	4,20	
226	NINH THỊ	NGÂN	116 / 002578	THCS An Lạc	P. LÊ ĐẠI HÀNH	4,20	
227	NGUYỄN VĂN	HÒA	020 / 000432	THCS Kiên Bái	P. THIÊN HƯƠNG	4,15	
228	LÊ VĂN	HUY	020 / 000437	THCS Lưu Kiếm	P. LƯU KIẾM	4,15	
229	PHẠM NGỌC GIA	THẢO	023 / 000512	THCS Nguyễn Chuyên Mỹ	X. AN HUNG	4,15	
230	NGUYỄN MINH	NGỌC	116 / 002582	THCS Ngô Gia Tự	P. HẢI DƯƠNG	4,15	
231	LÊ THỊ KIM	ANH	018 / 000393	TH-THCS Quang Hưng	X. AN QUANG	4,05	
232	PHẠM HOÀNG	HẢI	114 / 002529	THCS An Lâm	X. AN PHÚ	4,05	
233	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	020 / 000431	THCS Vinh Quang	X. HÙNG THẮNG	4,00	
234	ĐÀM ĐÌNH MINH	ĐỨC	113 / 002522	THCS An Sơn	X. THÁI TÂN	4,00	
235	LỤC THUỶ	LINH	021 / 000463	THCS Tân Thắng	X. AN LÃO	3,90	
236	TRẦN THỊ ANH	THỨ	023 / 000517	THCS Hồng Phong	P. AN PHONG	3,90	
237	HOÀNG MINH	QUANG	023 / 000503	THCS Mỹ Đức	X. AN KHÁNH	3,85	
238	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	023 / 000511	THCS Vĩnh Niệm	P. AN BIÊN	3,85	
239	BÙI HOÀNG THU	UYÊN	024 / 000529	THCS Bát Trang	X. AN TRƯỜNG	3,85	
240	VŨ THỊ KHÁNH	LINH	115 / 002558	THCS Ngô Quyền	X. HẢI HUNG	3,85	
241	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHI	116 / 002589	THCS An Lạc	P. LÊ ĐẠI HÀNH	3,85	
242	BÙI MINH LONG	ANH	018 / 000386	THCS Thái Sơn	X. AN KHÁNH	3,80	
243	TRẦN HUY	HOÀNG	020 / 000433	THCS Anh Dũng	P. HUNG ĐẠO	3,80	
244	TRẦN PHƯƠNG	ANH	018 / 000399	THCS Hòa Bình-Trần Dương	X. NGUYỄN BÌNH KHIÊM	3,75	
245	BÙI VĂN	LONG	021 / 000470	THCS Lý Học - Liên Am - Cao Minh	X. NGUYỄN BÌNH KHIÊM	3,75	
246	NGUYỄN THU	UYÊN	024 / 000531	THCS Hùng Thắng	X. HÙNG THẮNG	3,75	
247	NGUYỄN THU	NGÂN	116 / 002577	THCS Tiên Tiến	P. NAM ĐÔNG	3,70	
248	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRANG	024 / 000521	THCS Giang Biên	X. VINH THUẬN	3,60	
249	NGUYỄN TẮT GIA	KHÁNH	020 / 000452	THCS Lê ích Mộc	P. THỦY NGUYỄN	3,55	
250	ĐINH PHƯƠNG	MAI	115 / 002562	THCS Bình Hàn	P. THÀNH ĐÔNG	3,50	
251	NGUYỄN DIỆP	THANH	023 / 000509	TH-THCS Thanh Sơn	X. KIẾN THUY	3,45	
252	NGUYỄN MINH	NGHĨA	116 / 002579	THCS Thống Kênh	X. GIA PHÚC	3,45	
253	TỔNG PHÚ THÀNH	DOANH	019 / 000415	THCS Thắng Thủy-Vĩnh Long	X. VINH THỊNH	3,40	
254	NGUYỄN ANH	ĐỨC	019 / 000421	THCS Đông Tây Hưng	X. CHẤN HUNG	3,40	
255	NGUYỄN HẢI	YẾN	024 / 000536	THCS Hòa Bình	P. HÒA BÌNH	3,40	
256	ĐỖ THỊ TRÂM	ANH	018 / 000389	THCS Cao Nhân	P. LÊ ÍCH MỘC	3,35	
257	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	022 / 000494	THCS Liên Khê	P. LƯU KIẾM	3,35	
258	PHẠM BẢO	KHÁNH	114 / 002548	THCS Hùng Thắng	X. KÊ SẬT	3,35	
259	NGUYỄN PHÚ PHÚC	ĐIỂN	019 / 000420	THCS Thái Sơn	X. AN KHÁNH	3,30	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THU/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
260	ĐÀO QUANG	MINH	021 / 000473	THCS Kiến Phúc	X. NGHI DƯƠNG	3,30	
261	TRINH GIA	BÌNH	018 / 000403	THCS Quang Trung	X. AN QUANG	3,25	
262	CAO THỊ THANH	HIỂN	019 / 000429	THCS Đại Hà	X. KIẾN HUNG	3,20	
263	NGUYỄN THỊ TÂM	BĂNG	112 / 002497	THCS Thống Kênh	X. GIA PHÚC	3,10	
264	NGÔ GIA	HÂN	114 / 002531	THCS Phạm Thái	P. PHẠM SỰ MẠNH	3,10	
265	NGUYỄN ĐỨC	HÙNG	020 / 000435	THCS Lê Lợi	P. AN DƯƠNG	3,05	
266	BÙI THỊ	HỒNG	020 / 000434	THCS Tân Trào	X. KIẾN HUNG	3,00	
267	PHẠM BẢO	NGỌC	022 / 000487	THCS Chính Mỹ	P. LÊ ÍCH MỘC	3,00	
268	LÊ QUANG	CHUNG	113 / 002504	THCS An Sơn	X. THÁI TÂN	2,90	
269	HOÀNG HÀ	ANH	018 / 000390	THCS Ngọc Hải	P. ĐỒ SƠN	2,85	
270	HÀ LÂM	THANH	023 / 000508	THCS Đại Đông - Đông Phương	X. KIẾN MINH	2,80	
271	ĐOÀN THỊ MINH	THƯƠNG	023 / 000518	THCS Lưu Kiếm	P. LƯU KIẾM	2,75	
272	BÙI CÔNG	TUẤN	024 / 000525	THCS Bắc Sơn	P. KIẾN AN	2,75	
273	QUÁCH NHẬT	NAM	115 / 002572	THCS Kê Sắt	X. KÊ SẮT	2,75	
274	NGUYỄN THỊ	TÂM	117 / 002599	THCS Cổ Dũng	X. LAI KHÉ	2,75	
275	HOÀNG QUỲNH	ANH	018 / 000392	THCS Bằng La	P. NAM ĐỒ SƠN	2,65	
276	VŨ THỊ THANH	BÌNH	018 / 000404	THCS Đoàn Xá	X. KIẾN HẢI	2,65	
277	HOÀNG ANH	KIỆT	021 / 000456	THCS Tiên Thanh	X. TIÊN LĂNG	2,60	
278	NGUYỄN MINH	DƯƠNG	113 / 002517	THCS Hiến Thành	P. NGUYỄN ĐẠI NĂNG	2,60	
279	VŨ PHÚ	QUÝ	023 / 000505	THCS Thăng Thủy-Vĩnh Long	X. VĨNH THỊNH	2,55	
280	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	024 / 000537	THCS Phục Lễ	P. NAM TRIỆU	2,50	
281	NGÔ CHẤN	KHANG	020 / 000449	THCS An Hòa	P. AN PHONG	2,45	
282	PHẠM BÌNH	AN	112 / 002483	THCS Cao An	P. VIỆT HOÀ	2,45	
283	NGUYỄN THÙY	DUNG	113 / 002509	THCS An Lạc	P. LÊ ĐẠI HÀNH	2,40	
284	VŨ BÁ	THIỆN	023 / 000514	THCS Hồng Thái	P. AN HẢI	2,35	
285	VŨ THỊ DIỆU	LY	115 / 002561	THCS Chi Lăng Bắc	X. NAM THANH MIỆN	2,35	
286	NGUYỄN PHÚC	AN	018 / 000384	THCS Tú Sơn	X. KIẾN HẢI	2,25	
287	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYỄN	022 / 000490	THCS Trần Hưng Đạo	P. KIẾN AN	2,25	
288	PHẠM XUÂN	MẠNH	115 / 002564	THCS An Thanh	X. CHÍ MINH	2,25	
289	CHU TRẦN HẢI	ANH	018 / 000387	THCS Hòa Nghĩa	P. DƯƠNG KINH	2,15	
290	TRẦN BẢO	CHIẾN	019 / 000411	THCS An Đông	P. AN HẢI	2,00	
291	NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG	UYÊN	024 / 000530	TH-THCS Vạn Hương	P. ĐỒ SƠN	2,00	
292	HOÀNG NGỌC MINH	CHÂU	019 / 000407	TH-THCS Du Lễ	X. NGHI DƯƠNG	1,95	
293	NGUYỄN CƯỜNG	THANH	117 / 002601	TH-THCS Thái Hòa	X. THƯỢNG HỒNG	1,90	
294	NGUYỄN MINH	ANH	018 / 000395	THCS Hòa Nghĩa	P. DƯƠNG KINH	1,85	
295	TRẦN THỊ KHÁNH	LINH	115 / 002556	THCS Hải Tân	P. TÂN HUNG	1,85	
296	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	021 / 000465	THCS Bát Trang	X. AN TRƯỜNG	1,60	
297	TRẦN THANH	SƠN	023 / 000507	THCS Lương Khánh Thiện	X. AN LÃO	1,60	
298	LƯƠNG MINH	VŨ	024 / 000534	THCS Đại Đông - Đông Phương	X. KIẾN MINH	1,60	
299	NGUYỄN VĂN	LÂM	021 / 000458	THCS Đại Hợp	X. KIẾN HẢI	1,40	
300	PHẠM MINH	TUẤN	024 / 000527	THCS Hợp Đức	P. NAM ĐỒ SƠN	1,35	
301	NGÔ VŨ BẢO	NGỌC	022 / 000485	THCS An Hòa	P. AN PHONG	0,80	

(Danh sách gồm: 301 thí sinh)